TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 409/2024/DSST
Ngày: 16/9/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hồng.**

Bà **Trần Kim Chi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165A/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2043/QĐST-DS ngày 30/8/2024, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Nguyễn Thành L,** sinh năm 1958

Đại chỉ: ấp Thuận Trị, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang

Đại diện ủy quyền: Trần Thị Kim P, sinh năm 1987 (theo Văn bản ủy quyền ngày 20/6/2024)

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang

+ Bị đơn: **Trần Văn C,** sinh năm 1966

Nguyễn Thị V, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: ấp Xóm Thủ, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

(Chị P xin vắng mặt; ông C, bà V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị P trình bày:

Năm 2018, vợ chồng ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị V có mua vật tư xây dựng của ông L để cất nhà với hình thức ghi nợ. Đến ngày 16/6/2020 tổng kết nợ thì ông C, bà V còn nợ số tiền 7.880.000đồng, có làm giấy nợ do bà V ký tên xác nhận. Sau đó, ông L nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu vợ chồng ông Ch trả nợ nhưng hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay, ông L yêu cầu ông C, bà V trả số tiền nợ gốc là 7.880.000đồng và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 16/6/2020 đến ngày giải quyết xong, tạm tính đến ngày 11/6/2024 là 48 tháng với số tiền 3.139.392đồng, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông C, bà V vắng mặt, mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Thành L và ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị V là tranh chấp hợp đồng mua bán được xem xét giải quyết theo theo Điều 430 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về tố tụng:

Bị đơn ông C, bà V vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông bà.

[2] Về nội dung:

Ngày 13/9/2024, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị P có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, ông L yêu cầu ông C, bà V trả số tiền gốc là 6.380.000đồng, không yêu cầu tính lãi, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, bởi lẽ, giữa ông L và ông C, bà V có xác lập hợp đồng mua bán tài sản là vật tư xây dựng với chứng cứ chứng minh là tờ giấy ghi nợ tháng 10/2018 thể hiện chốt nợ lần cuối vào ngày 16/6/2020 với số tiền 7.880.000đồng do bà V ký tên xác nhận. Theo tờ giấy ghi nợ thì có thể hiện bà V có trả số tiền 500.000đồng vào ngày 16/6/2020, còn nợ lại số tiền 7.880.000đồng và có thể hiện tiền lãi. Từ ngày 16/6/2020 đến nay, ông C, bà V không thực hiện trả nợ tiếp mặc dù ông L đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông bà không thực hiện trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C, bà V đã trả được 1.500.0000đồng, hiện còn nợ số tiền 6.380.000đồng. Do ông C, bà V vi phạm thỏa thuận, vi phạm thời hạn thanh trả nợ làm thiệt thòi quyền và lợi ích hợp pháp của ông L nên ông C, bà V phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc 6.380.000đồng, không yêu cầu tính lãi là phù hợp với Điều 440 Bộ luật dân sự.

Ông C, bà V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ cũng như tống đạt hồ sơ khởi kiện nguyên đơn, ông bà cũng không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình cũng như ông bà không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự..

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C, bà V chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 357 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

<u>Xử:</u> Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Thành L.

Buộc ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành L số tiền 6.380.000đồng *(Sáu triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng)* khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông L cho đến khi thi hành án xong, ông C, bà V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị V phải nộp số tiền 319.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thành L được miễn nộp tạm ứng án phí do người cao tuổi nên không được hoàn lại.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng, ông C, bà V và ông L kháng cáo kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Phan Thanh Bình

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Ñöông söï;
- Löu hoà sô.